TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST Ngày 19 - 9 - 2018 V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đàm Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Oanh

Bà Nguyễn Thị Hồng Chuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dạ Lan, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lượng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2018 *"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vàng Thị N, sinh năm: 1994; dân tộc: Tày; nơi cư trú: Thôn N, xã D, huyện H, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

Bị đơn: Anh Vàng Văn P, sinh năm 1993; dân tộc: Nùng; nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn và bản tự khai chị Vàng Thị N trình bày: Chị và anh Vàng Văn P kết hôn với nhau năm 2014 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Hà Giang. Sau khi cưới chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được 03 năm, sau đó đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Vàng Văn P thường xuyên rượu chè, không chịu tu chí làm ăn, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh P không chịu thay đổi, dẫn đến trong cuộc sống hằng ngày vợ chồng thường hay cãi vã chửi bới lẫn nhau làm tình cảm rạn nứt. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng cũng được hai bên gia đình góp ý khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện

được. Vì vậy, chị đã đưa con về sinh sống tại thôn N, xã D, huyện H, tỉnh Hà Giang và sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng với anh Vàng Văn P từ tháng 8 năm 2017 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nếu có níu kéo duy trì cuộc hôn nhân này cũng không có hạnh phúc nên chị đã có đơn đề nghị Toà án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vàng Văn P.

Về phía bị đơn anh Vàng Văn P trình bày: Anh và chị Vàng Thị N lấy nhau trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B. Sau khi kết hôn chị Vàng Thị N về làm dâu và chung sống với gia đình nhà chồng tại thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được 03 năm, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do khi anh đi làm không hiểu lý do vì sao chị Vàng Thị N đã tự ý bỏ về nhà ngoại sinh sống, bản thân anh và gia đình đã lên gặp chị N và bố mẹ vợ để đón chị Vàng Thị N về nhưng chị N vẫn không chịu trở về nhà. Kể từ khi chị N bỏ nhà chồng đi từ tháng 9/2017 cho đến nay anh chị đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi. Tuy nhiên, do con chung của anh chị còn nhỏ, anh vẫn mong muốn chị Vàng Thị N suy nghĩ lại để vợ chồng quay về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái, nếu chị Vàng Thị N vẫn cương quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Về con chung: Chị Vàng Thị N và anh Vàng Văn P xác nhận quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên là Vàng Thị L, sinh ngày 06/01/2014. Quan điểm của cả hai anh chị đều đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Vàng Thị L cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 23/8/2018 chị Vàng Thị N và anh Vàng Văn P đều nhất trí ly hôn, nhưng không thỏa thuận được về phần nuôi con chung, nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn và điều kiện nuôi con để ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, chị Vàng Thị N vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn; về nuôi con chung chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Vàng Thị L cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con. Còn anh Vàng Văn P tại phiên tòa lại thay đổi quan điểm về quan hệ hôn nhân không nhất trí ly hôn; về con chung anh nhất trí giao con cho chị Vàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; những người tham gia tố tụng dân sự đều chấp hành và tuân thủ đúng pháp luật tố tụng.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, về quan hệ hôn nhân xử cho chị Vàng Thị N được ly hôn anh Vàng Văn P. Về nuôi con chung, đề nghị xử giao cháu Vàng Thị L, sinh ngày 06/01/2014 cho chị Vàng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, anh Vàng Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Vàng Thị N được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị N, anh Vàng Văn P về chung sống cùng nhau từ năm 2014, trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống giữa hai anh chị thường xảy ra mâu thuẫn, nên từ tháng 09 năm 2017 chị Vàng Thị N đã bỏ chồng và gia đình nhà chồng về sinh sống với gia đình bên ngoại tại thôn N, xã D, huyện H, tỉnh Hà Giang và ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng với anh Vàng Văn P. Trên cơ sở lời khai của các đương sự cùng các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa chị Vàng Thị N và anh Vàng Văn P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa chị Vàng Thị N vẫn một mực yêu cầu được ly hôn. Do vậy, cần áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Vàng Thị N và anh Vàng Văn P được ly hôn.

[3] Về việc nuôi con chung: Trong thời gian chung sống chị Vàng Thị N và anh Vàng Văn P có 01 con chung là cháu Vàng Thị L, sinh ngày 06/01/2014. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều tranh chấp việc nuôi con chung, còn tại phiên tòa anh Vàng Văn P lại thay đổi quan điểm là nhất trí cho chị Vàng Thị N được nuôi con và anh đề nghị được đi lại thăm nom con theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở quan điểm của các đương sự về việc nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cha mẹ ly hôn, nhưng vẫn phải có quyền và nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên. Việc giao con chung chưa thành niên cho ai trông nom nuôi dưỡng phải xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của người con. Tại thời điểm xét xử vụ án ly hôn, con chung của anh chị mới được hơn bốn tuổi, hiện nay cháu đang sống cùng chị Vàng Thị N, do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác, quá trình đi xác minh tại xã trên thực tế cho thấy hiện nay anh Vàng Văn P đang đi làm ăn xa không có mặt ở địa phương, nên không thể đảm bảo về mặt tâm sinh lý cũng như sự phát triển bình thường và quyền lợi của cháu Vàng Thị L và tại phiên tòa

anh P cũng nhất trí giao con cho chị N nuôi. Vì vậy, cần áp dụng Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Vàng Thị L, sinh ngày 06/01/2014 cho chị Vàng Thị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh Vàng Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Cả hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Vàng Thị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vàng Thị N. Xử cho chị Vàng Thị N được ly hôn anh Vàng Văn P.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Xử giao cho chị Vàng Thị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vàng Thị L, sinh ngày 06/01/2014 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh Vàng Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Vàng Thị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000^{đ} *(Ba trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang theo biên lai số 0000563 ngày 02 tháng 8 năm 2018.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đàm Thị Tư

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã L, huyện B;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.